

NỘI DUNG THI HKI 2023-2024

TOÁN LỚP 6

➤ Gồm hai phần:

Trắc nghiệm (3 điểm) và Tự luận (7 điểm)

➤ Nội dung:

Đại số:

- Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên.
 - + Nhận biết và phân biệt được tập hợp N và N^* .
- Tính được các bài toán có lũy thừa với số mũ tự nhiên.
- Thực hiện phép tính theo thứ tự.
 - + Vận dụng được các tính chất phép toán để tính toán một cách hợp lý cho bài toán tính giá trị biểu thức có ngoặc và không có ngoặc.
- Chia hết và chia có dư. Tính chất chia hết của một tổng:
 - + Nhận biết được số chia hết cho 2, cho 5, cho 3 và cho 9.
 - + Xác định được ước và bội của một số.
- Xác định được số nguyên tố và hợp số.
 - + Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.
- Xác định được ước chung. Cách tìm ước chung lớn nhất.
- Xác định được bội chung. Cách tìm bội chung nhỏ nhất.
- Số nguyên:
 - + Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp số nguyên.
 - + Nhận biết được một số đối của một số nguyên, thứ tự trong tập hợp số nguyên.
 - + Nhận biết được số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.
 - + Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước bội trong tập hợp số nguyên.
 - + Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.
 - + Vận dụng được các tính chất của các phép toán, qui tắc dấu ngoặc trong tập hợp số nguyên.

- Toán thực tế: Vận dụng được kiến thức số học để giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc)

Hình học:

- Nhận diện được Hình vuông – Tam giác đều – Lục giác đều -Hình chữ nhật – Hình thoi – Hình bình hành – Hình thang cân
- Mô tả được một số yếu tố cơ bản của Hình vuông – Tam giác đều – Lục giác đều -Hình chữ nhật – Hình thoi – Hình bình hành – Hình thang cân
- Vẽ được Hình vuông – Tam giác đều – Lục giác đều -Hình chữ nhật – Hình thoi – Hình bình hành – Hình thang cân bằng dụng cụ học tập
- Nêu được công thức tính chu vi, diện tích các hình và tính được chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn.
- Toán thực tế: Vận dụng được kiến thức hình học để giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc)

Một số yếu tố thống kê và xác suất:

- Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.
- Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê, biểu đồ tranh, biểu đồ dạng cột/ cột kép.
- Giải quyết được các vấn đề đơn giản liên quan đến số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê, biểu đồ tranh, biểu đồ dạng cột/ cột kép.

Đề Rèn Luyện

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong các đáp án sau, cái nào là tập hợp số tự nhiên

- A. $\{1,2,3,4,\dots\}$ B. $\{0,1,2,3,\dots\}$ C. $\{\dots,0,1,2,3,\dots\}$ D. $0,1,2,3,\dots$

Câu 2: Số nào là số nguyên tố

- A. 1 B. 2 C. 221 D. Cả A, B, C

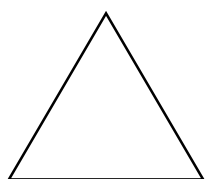
Câu 3: Số đối của số nguyên a là

- A. a B. $-a$ C. $+a$ D. Cả A, B, C

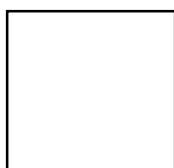
Câu 4: Số nào trong các số sau là bội của -12

- A. -3 B. 1 C. -12 D. 2

Câu 5: Tên các hình theo thứ tự hình 1, hình 2, hình 3, hình 4 là



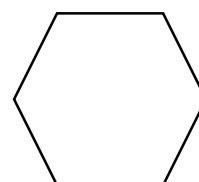
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình lục giác đều.

B. Hình tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình lục giác đều.

C. Hình lục giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác đều.

D. Hình lục giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác đều.

Câu 6: Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt 10cm và 2dm là

- A. 20dm B. $2dm^2$ C. $20cm^2$ D. $1dm^2$

Câu 7: Em hãy chỉ ra những điểm không hợp lí trong bảng sau:

Tên	Nam	Long	12	Linh	Hoa	Bình
Độ tuổi	12	11	12	- 15	200	13

- A. Tên: 12 B. Độ tuổi: - 15 C. Độ tuổi: 200 D. Cả A, B, C

Câu 8: Em hãy chỉ ra những điểm không hợp lí trong bảng sau:

Tên	Nam	Long	Nga	Linh	Hoa	Bình
Nhiệt độ cơ thể ($^{\circ}C$)	37	36	39	37	200	0

- A. 200 B. 0 C. Cả A, B đúng D. Cả A, B sai

Câu 9: Số nào là ƯC(32,36)

- A. 4 B. 6 C. 288 D. 0

Câu 10: Sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: -2 ; 0 ; 5 ; -6 ; 4

- A. -6 ; -2 ; 0 ; 4 ; 5 B. 5 ; 4 ; 0 ; -2 ; -6 C. -2 ; -6 ; 0 ; 4 ; 5 D. 5 ; 4 ; 0 ; -6 ; -2

Câu 11: Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau:

- A. $-4 + 5 = -(4 + 5)$ B. $(-3).(+2) = 6$ C. $12 : (-3) = -4$ D. $-2 - 3 = -1$

Câu 12: Viết tích $10.100.100$ dưới dạng một lũy thừa gọn nhất là

A. 10^6

B. 10^5

C. 100^5

D. 100^2

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1:

a) Tìm ƯCLN(12,16,18)?

b) Em hãy tìm số liền trước và liền sau của số -1 ?

c) Bạn Hồng đang ngồi trên máy bay, bạn ấy thấy màn hình thông báo nhiệt độ bên ngoài máy bay là -28°C . Máy bay đang hạ cánh, nhiệt độ trung bình bên ngoài mỗi phút tăng lên 4°C . Hỏi sau 10 phút nữa nhiệt độ bên ngoài máy bay là bao nhiêu độ C?

Câu 2: Thực hiện phép tính:

a) $1013.56 + 44.1013$

b) $4^3 + [80 : (5^{10} : 5^8 - 7 \cdot 3)^2]$

Câu 3: Trong thư viện có một số bút dùng để phát phần thưởng, khoảng từ 153 đến 200 cây. Người ta đem xếp chúng thành từng bó 5 bút, 12 bút hay 20 bút thì vừa đủ. Hỏi có bao nhiêu bút tất cả?

Câu 4: Điểm thi môn Toán của lớp 6A như sau:

8	5	7	6	8	0	10
4	9	7	8	9	5	7
6	7	10	5	7	8	10
9	9	7	8	8	3	2

a) Lớp 6A có bao nhiêu bạn?

b) Lập bảng thống kê và vẽ biểu đồ cột biểu thị số điểm của các bạn?

Câu 5: Tính chu vi và diện tích của hồ bơi có kích thước như hình vẽ bên?

